VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ [1]
Quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh

Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, [2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015;

- Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

[2] Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 3 năm 2016;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh (sau đây gọi tắt là Tờ khai Hải quan) được áp dụng tại các cửa khẩu theo Danh sách quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm Thông tư này; và theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Trường hợp cửa khẩu không quy định tại khoản 1 Điều này cơ quan Hải quan sử dụng mẫu tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh ban hành kèm theo Quyết định số 3195/QĐ-BCA/A61 ngày 10/8/2010 của Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan;

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hộ chiếu, giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu thuộc đối tượng phải khai báo hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục I
Mẫu Tờ khai Hải quan và khai Tờ khai Hải quan

Điều 3. Quy định về mẫu Tờ khai Hải quan

Mẫu Tờ khai Hải quan[3] quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh:"

[3] Mẫu Tờ khai Hải quan được thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

Tờ khai Hải quan in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, kích thước là 12cm x 24cm gồm 04 trang, chữ màu đen và màu đỏ, nền trắng, phông chữ *Times New Roman*[4], bố cục như sau:

1. Trang 1: Phía trên chính giữa ghi quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" (màu đen, cỡ chữ 10 pt), tên Bộ chủ quản "BỘ TÀI CHÍNH" (màu đen, cỡ chữ 9 pt); chính giữa trang là biểu tượng của ngành Hải quan Việt Nam đường kính 3 cm; phía dưới là dòng chữ "TỜ KHAI HẢI QUAN" (màu đỏ, cỡ chữ 14 pt) và dòng chữ "dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh" (màu đen, cỡ chữ 11 pt).

2. Trang 2, 3 là phần nội dung liên quan đến các thông tin về người xuất cảnh, nhập cảnh và định lượng các mặt hàng của người xuất cảnh, nhập cảnh phải khai báo, chữ màu đen, cỡ chữ 9 pt, góc trên bên phải in số seri.

3. Trang 4 : Phía trên cùng bên trái là biểu tượng ngành Hải quan đường kính 1,5 cm, chính giữa là dòng chữ "TỜ KHAI HẢI QUAN" (màu đỏ, cỡ chữ 14 pt), phía dưới là dòng chữ "Phần Hải quan lưu" (màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 11 pt); ở giữa là phần xác nhận của cơ quan Hải quan; phía dưới là nội dung hướng dẫn khai hải quan, tiêu đề "HƯỚNG DẪN KHAI HẢI QUAN" (màu đỏ, cỡ chữ 12 pt) và những thông tin cần thiết về hải quan đối với người xuất cảnh, nhập cảnh (màu đen, cỡ chữ 7 pt).

Điều 4. Quy định việc khai trên Tờ khai Hải quan

1. Người xuất cảnh, nhập cảnh phải khai Tờ khai Hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh nếu thuộc các đối tượng sau:

a) Có hành lý ký gửi trước hoặc sau chuyến đi;

b) Có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập;

c)[5] *Có hàng hóa phải nộp thuế: rượu từ 20 độ trở lên vượt trên 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ vượt trên 2 lít hoặc đồ uống có cồn, bia vượt trên 3 lít; thuốc lá điếu vượt trên 200 điếu hoặc xì gà vượt trên 20 điếu hoặc thuốc lá sợi vượt trên 250 gam; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam;*

định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

[4] Cụm từ "Time New Roman" được thay đổi bởi cụm từ "Times New Roman" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

d) Mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý, công cụ chuyển nhượng, mang vàng xuất cảnh, mang vàng nhập cảnh phải khai báo hải quan theo quy định tại Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 và Thông tư số 11/2014/TT-NHNN ngày 28/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể:

d.1. Mang theo ngoại tệ có trị giá trên 5.000 USD hoặc ngoại tệ khác tương đương hoặc mang trên 15.000.000 đồng Việt Nam;

d.2. Mang theo hối phiếu, séc hoặc kim loại quý (bạc, bạch kim và các loại hợp kim có bạc, bạch kim), đá quý (kim cương, ruby, sapphire, e-mơ-rốt) có giá trị từ 300 triệu đồng Việt Nam trở lên;

d.3.[6] *Mang theo vàng cụ thể như sau:*

d.3.1. Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu mang theo vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.2. Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành biên giới, giấy thông hành nhập xuất cảnh, chứng minh thư biên giới đeo trên người vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trang sức như các loại: nhẫn, dây, vòng, hoa tai, kim cài và các loại trang sức khác có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.3. Người nước ngoài được phép định cư ở Việt Nam khi nhập cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.4. Người Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài khi xuất cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng vàng từ 300 gam trở lên.

đ) Người nhập cảnh có nhu cầu xác nhận hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt trị giá bằng hoặc thấp hơn 5.000 USD (hoặc ngoại tệ khác tương đương).

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện khai Tờ khai Hải quan theo trang 4 của mẫu Tờ khai Hải quan và Phụ lục số 04 ban hành kèm Thông tư này; khai đầy đủ thông tin vào các ô trên các trang 02, trang 03 của Tờ khai Hải quan trước khi làm thủ tục với các cơ quan Hải quan tại cửa khẩu theo từng lần xuất cảnh, nhập cảnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai của mình; ghi rõ ràng, không được tẩy xóa, sửa chữa; không sử dụng bút chì, bút mực đỏ để khai.

Mục II
Quy định trách nhiệm quản lý, hướng dẫn khai và xác nhận của cơ quan Hải quan

---

[6] Điểm này sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Điều 5. Trách nhiệm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo rộng rãi việc sử dụng Tờ khai Hải quan (theo dạng tờ rơi, bảng hiệu thông tin....) tại khu vực làm thủ tục của người xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu Việt Nam;

b) Tại cửa khẩu, bố trí vị trí, khay hộp đặt Tờ khai Hải quan thuận lợi, dễ nhận biết để người xuất cảnh, nhập cảnh khai (vị trí trước khu làm thủ tục của cơ quan Hải quan); và có đầy đủ bàn để người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện khai;

c) Tại cửa khẩu đường bộ, dịch nội dung Tờ khai Hải quan sang tiếng của nước láng giềng, công bố tại khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh để người xuất cảnh, nhập cảnh được biết và thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ 6 tháng một lần tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc việc thực hiện quản lý và hướng dẫn người xuất cảnh, nhập cảnh sử dụng tờ khai.

3. Định kỳ hàng năm (vào ngày 15 của tháng 9) báo cáo Tổng cục Hải quan (*Cục Tài vụ - Quản trị)*[7] về nhu cầu sử dụng Tờ khai Hải quan để được cấp số lượng Tờ khai Hải quan theo quy định; cấp phát Tờ khai Hải quan, túi hồ sơ cho các Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc.

Điều 6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu

1. Thực hiện nội dung hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này và lập sổ theo dõi số lượng Tờ khai Hải quan được đưa vào sử dụng tại khu vực làm thủ tục hải quan của cửa khẩu theo mẫu do Chi cục quy định.

2. Đảm bảo yêu cầu văn minh, lịch sự, thuận lợi tại cửa khẩu Việt Nam, Chi cục Hải quan cửa khẩu cung cấp trước Tờ khai Hải quan cho Hãng vận tải quốc tế, đại diện Hãng hàng không quốc tế, cơ quan Hàng không Việt Nam, tổ chức du lịch ...(sau đây gọi tắt là tổ chức) khi các tổ chức này có văn bản gửi đến cơ quan Hải quan đề nghị cấp phát trước Tờ khai Hải quan để phát cho người xuất cảnh, nhập cảnh khai trước khi đến cửa khẩu Việt Nam và hướng dẫn các tổ chức này quản lý chặt chẽ, tránh lãng phí, thất thoát Tờ khai Hải quan.

3. Tổ chức chỉ đạo công chức Hải quan hướng dẫn người xuất cảnh, nhập cảnh khai báo trên Tờ khai Hải quan theo quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm Thông tư này.

---

[7] Cụm từ "Vụ Tài vụ - Quản trị" được thay đổi bởi cụm từ "Cục Tài vụ - Quản trị" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

4. Chỉ đạo công chức hải quan kiểm tra, xác nhận trên Tờ khai Hải quan, cụ thể:

a) Trường hợp không phát hiện nghi vấn, xác nhận, ký tên đóng dấu công chức tại mục *"Xác nhận của Hải quan"*[8] trên trang 02 và trang 04;

b) Trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh khai Tờ khai Hải quan không đúng quy định thì công chức làm thủ tục hướng dẫn người xuất cảnh, nhập cảnh khai lại trên Tờ khai Hải quan mới trước thời điểm cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hành lý, hàng hóa, ngoại tệ, hối phiếu, séc, kim loại quý, đá quý tại cửa khẩu;

c) Trường hợp phát hiện những nghi vấn gian lận, báo cáo Lãnh đạo Chi cục và thực hiện theo chỉ đạo; và

d) Trường hợp phải kiểm tra thực tế hành lý, hàng hóa, ngoại tệ, hối phiếu, séc, kim loại quý, đá quý thực hiện theo quy định;

đ) Trường hợp kiểm tra người xuất cảnh, nhập cảnh khai tại các trang 02, trang 03 của Tờ khai Hải quan phát hiện hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập mang theo để phục vụ mục đích chuyển đi khai tại ô số 10; hoặc hàng hóa phải nộp thuế khai tại ô số 11, công chức hải quan yêu cầu người xuất cảnh, nhập cảnh khai trên Tờ khai Hải quan giấy quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (sau đây gọi là Tờ khai Hải quan giấy), và thực hiện các quy định; kiểm tra, xác nhận hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hoặc tạm xuất - tái nhập hoặc hàng hóa phải nộp thuế, ký tên đóng dấu công chức trên Tờ khai Hải quan giấy, xác nhận số, ngày tháng năm của Tờ khai Hải quan giấy và ký tên, đóng dấu công chức tại mục *"Xác nhận của Hải quan"*[9] trên trang 02 và trang 04 của Tờ khai Hải quan;

e)[10] *Trường hợp người nhập cảnh, xuất cảnh có hàng hoá, hành lý thuộc quản lý, kiểm tra chuyên ngành thì công chức Hải quan căn cứ văn bản cho phép*

---

[8] Cụm từ "Hải quan xác nhận" được thay đổi bởi cụm từ "Xác nhận của Hải quan" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

[9] Cụm từ "Hải quan xác nhận" được thay đổi bởi cụm từ "Xác nhận của Hải quan" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành đối chiếu với hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh; Ghi số, ngày tháng năm, tên của văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra, tên cơ quan cấp, xác nhận, ký tên đóng dấu công chức tại mục "Xác nhận của Hải quan" trên trang 02 và trang 04 của Tờ khai Hải quan;

Trường hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin của hàng hóa, hành lý không phù hợp với văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra và trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh không xuất trình văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra thì yêu cầu người xuất cảnh, nhập cảnh gửi hàng hóa, hành lý đó vào kho của Hải quan cửa khẩu và xử lý theo quy định hiện hành. Công chức hải quan ghi nhận việc người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa, hành lý gửi kho của Hải quan cửa khẩu tại mục "Xác nhận của Hải quan" trên trang 02 và trang 04 của Tờ khai Hải quan.

g) Trả người xuất cảnh, nhập cảnh phần trang 01, trang 02 của Tờ khai Hải quan; lưu phần còn lại theo quy định.

Mục III
Chế độ in ấn, phát hành, quản lý và lưu trữ Tờ khai Hải quan

Điều 7. Chế độ in ấn

1. Tổng cục Hải quan thống nhất quản lý việc in và phát hành Tờ khai Hải quan.

2. Trên mỗi Tờ khai Hải quan được đánh số seri ở góc trên bên phải tại trang 02 và trang 03.

3. Seri ghép bởi 02 trong số 26 chữ (gồm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, W, X, Y và Z) và dãy số tự nhiên với số lượng gồm 07 chữ số.

4. Số seri được in bằng mực màu đỏ, cỡ chữ 12, phông chữ *Times New Roman*[11]. Ví dụ: AA 0000001

Điều 8. Chế độ phát hành

1. Tờ khai Hải quan được phát miễn phí cho người nhập cảnh, xuất cảnh mang hộ chiếu, giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu có hành lý, hàng hóa, ngoại tệ, hối phiếu, séc, kim loại quý, đã quý phải khai báo hải quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

---

[11] Cụm từ "Time New Roman" được thay đổi bởi cụm từ "Times New Roman" theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

2. Tổng cục Hải quan căn cứ đề xuất của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố có nhu cầu sử dụng, thực hiện in ấn, phát hành theo quy định.

Điều 9. Công tác quản lý Tờ khai Hải quan

1. Tổng cục Hải quan (*Cục Tài vụ - Quản trị*)[12] cung cấp, theo dõi việc sử dụng Tờ khai Hải quan của từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo kế hoạch hàng năm của từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố cấp Tờ khai Hải quan cho Chi cục Hải quan cửa khẩu trực thuộc và hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng và bảo quản Tờ khai Hải quan.

3. Chi cục Hải quan cửa khẩu phát Tờ khai Hải quan cho người nhập cảnh, xuất cảnh hàng ngày hoặc cấp các tổ chức; lập sổ theo dõi số lượng cấp phát.

Điều 10. Công tác lưu trữ Tờ khai Hải quan (phần Hải quan lưu)

1. Chi cục Hải quan cửa khẩu tổ chức lưu trữ phần Tờ khai Hải quan mà người xuất cảnh, nhập cảnh đã khai báo theo từng chuyến phương tiện vận tải chuyên chở người xuất cảnh, nhập cảnh và theo từng ngày. Mỗi chuyến trong một ngày (sau 24h thì được tính cho ngày hôm sau), toàn bộ Tờ khai Hải quan và các giấy tờ có liên quan kèm theo được cho vào các túi đựng hồ sơ riêng, trên túi đựng hồ sơ ghi rõ tổng số Tờ khai Hải quan, ngày tháng năm và bàn giao từ bộ phận làm thủ tục xuất nhập với bộ phận lưu trữ của Chi cục Hải quan cửa khẩu. Bộ phận lưu trữ hồ sơ tổ chức lưu trữ theo đúng quy định.

2. Túi hồ sơ dùng để đựng Tờ khai Hải quan và các giấy tờ liên quan được Tổng cục Hải quan thống nhất in và phát hành theo mẫu kèm theo. Túi hồ sơ thiết kế dạng phong bì, giấy bìa cứng, khổ giấy A4, nội dung in trên túi được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư này. Mỗi túi hồ sơ nêu trên được sử dụng đựng lượng Tờ khai Hải quan cho 01 chuyến phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Tờ khai Hải quan được lưu giữ trong thời hạn 5 năm tại cửa khẩu, hết thời hạn này thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sao chụp phần Tờ khai Hải quan lưu.

a) Trách nhiệm của người đề nghị sao chụp phần Tờ khai Hải quan lưu:

Người xuất cảnh, nhập cảnh (hoặc người được ủy quyền) khi có nhu cầu sao chụp phần Tờ khai Hải quan lưu thì nộp hồ sơ gồm những giấy tờ sau:

a.1) Đơn đề nghị;

---

[12] Cụm từ "Vụ Tài vụ - Quản trị" được thay đổi bởi cụm từ "Cục Tài vụ - Quản trị" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

a.2) 01 bản sao công chứng chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu, xuất trình bản chính chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương hộ chiếu để đối chiếu;

a.3) Trường hợp người được ủy quyền của người xuất cảnh, nhập cảnh phải có Giấy ủy quyền có xác nhận của Chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản (01 bản chính).

b) Trách nhiệm của công chức hải quan:

b.1) Thực hiện tiếp nhận hồ sơ do người xuất cảnh, nhập cảnh (hoặc người được ủy quyền) nộp;

b.2) Kiểm tra, đối chiếu thông tin trên hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu cung cấp thông tin hoặc cho phép sao chụp phần Tờ khai Hải quan lưu.

b.3) Thực hiện cung cấp thông tin hoặc sao chụp phần Tờ khai Hải quan lưu sau khi Lãnh đạo Chi cục Hải quan phê duyệt tại Đơn đề nghị của người xuất cảnh, nhập cảnh (hoặc người được ủy quyền).

b.4) Nghiêm cấm cán bộ, công chức Hải quan tự ý cung cấp, sao chụp, thay đổi, sửa chữa tờ khai lưu và các chứng từ, hồ sơ liên quan lưu kèm tờ khai.

c) Trách nhiệm của Lãnh đạo Chi cục Hải quan cửa khẩu:

Căn cứ nội dung hồ sơ, văn bản đề xuất của công chức Hải quan, thực hiện xác nhận, ký tên, đóng dấu trên Đơn đề nghị của người xuất cảnh, nhập cảnh (hoặc người được ủy quyền).

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành[13]

---

[13] Điều 4 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 quy định như sau:

"Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

2. Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 2181/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./."

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc thống nhất thực hiện Thông tư này.

2. Trên cơ sở thông báo của Bộ Công an về các cửa khẩu đã được trang bị máy đọc hộ chiếu và nối mạng máy tính, Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định bổ sung các cửa khẩu áp dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nội dung quy định tại Thông tư này./

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 02/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Phụ lục 1

MẪU TỜ KHAI HẢI QUAN
DÙNG CHO NGƯỜI XUẤT CẢNH/NHẬP CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI HẢI QUAN
(Phần Hải quan lưu)
CUSTOMS DECLARATION
(For Customs only)

XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN (Certification by Customs)

HƯỚNG DẪN KHAI HẢI QUAN/INSTRUCTIONS FOR DECLARATION

Người xuất cảnh, nhập cảnh khai nếu thuộc diện dưới đây:

1. Có hành lý ký gửi trước hoặc sau chuyến đi.
2. Mang theo ngoại tệ có trị giá trên 5.000 USD hoặc ngoại tệ khác tương đương hoặc mang trên 15.000.000 đồng Việt Nam.
3. Mang theo Hối phiếu, séc hoặc kim loại quý (bạc, bạch kim và các loại hợp kim có bạc, bạch kim), đá quý (kim cương, ruby, saphia, ê-mơ-rốt) có giá trị từ 300 triệu đồng Việt Nam trở lên.
4. Mang theo vàng cụ thể như sau:

a) Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu mang theo vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

b) Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành biên giới, giấy thông hành nhập xuất cảnh, chứng minh thư biên giới đeo trên người vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trang sức như các loại: nhẫn, dây, vòng, hoa tai, kim cài và các loại trang sức khác có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

c) Người nước ngoài được phép định cư ở Việt Nam khi nhập cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

d) Người Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài khi xuất cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng vàng từ 300 gam trở lên.

5. Có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.
6. Có hàng hóa phải nộp thuế: Mang theo quá 1,5 lít rượu từ 20 độ trở lên hoặc quá 2 lít rượu dưới 20 độ hoặc quá 3 lít đồ uống có cồn, bia; trên 200 điếu thuốc lá hoặc trên 20 điếu xì gà hoặc trên 250 gam thuốc lá sợi; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam.
7. Người nhập cảnh có nhu cầu xác nhận hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt trị giá bằng hoặc thấp hơn 5.000 USD (hoặc ngoại tệ khác tương đương).

Passengers are requested to declare in the following:

1. Bringing unaccompanied baggage.
2. Bringing over USD 5,000 or an equivalent foreign value or over VND 15,000,000.
3. Bringing drafts, cheques or precious metals (silver, platinum, alloys containing silver or platinum), gemstones (diamonds, rubies, sapphires, emeralds) valued at VND 300,000,000 or more.
4. Bringing gold in accordance with the following provisions:

a) Incoming passenger, outgoing passenger with passports, carry along gold jewelry, art gold in a total of 300 grams or more.

b) Incoming passenger, outgoing passenger with border laissez-passers, entry or exit laissez-passers or border identity cards, carry along wearjewelry gold for ornamental purpose, including rings, necklaces, strings, ear-rings, needles and other jewelry articles in a total of 300 grams or more.

c) Foreign individuals, who are permitted to permanently reside in Vietnam, carry along material gold, ingot gold, jewelry gold and fine-art gold articles in a total of 300 grams or more.

d) Vietnamese individuals, who are permitted to permanently reside abroad, carry along material gold, ingot gold, jewelry gold and fine-art gold articles in a total of 300 grams or more.

5. Having temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods.
6. Having dutiable goods: over 1.5 liters of liquor from 20% alcohol by volume or over 2 liters of liquor below 20% alcohol by volume or over 3 liters of alcoholic beverages, beer; over 200 cigarettes or over 20 cigars or over 250 grams of raw tobacco; other items valued over VND 10,000,000.
7. Passenger wish to request customs certification of foreign currencies in cash with a value equal to or less than USD 5,000 (or equivalent foreign values).

4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

TỜ KHAI HẢI QUAN
CUSTOMS DECLARATION
(dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh)
(for passengers on entry/exit)

1

AA 0000001

1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)/*Full name as appears in passport (please fill in block letters):*

2. Giới tính/*Sex*: Nam/*Male* ☐ Nữ/*Female* ☐

3. Sinh ngày/*Date of birth:*
Ngày/*Date* tháng/*month* năm/*year*

4. Quốc tịch/*Nationality:*

5. Số hộ chiếu/*Passport No:*

6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe *(Flight/Vessel/Car No):*

7. Ngày/*Date:...../...../20.....*(DD/MM/YY)
Chữ ký/*Signature:*

8. Xác nhận của Hải quan/*Certification by Customs:*

2

AA 0000001

1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)/*Full name as appears in passport (please fill in block letters):*

2. Giới tính/*Sex:*
Nam/*Male* ☐ Nữ/*Female* ☐

3. Sinh ngày/*Date of birth:*
Ngày/*Date* tháng/*month* năm/*year*

4. Quốc tịch/*Nationality:*

5. Số hộ chiếu/*Passport No:*

6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe *(Flight/Vessel/Car No):*

7. Thời gian lưu trú/*Duration of stay:*

8. Hành lý mang theo/ *Accompanied baggage* kiện, túi/ *pieces*

9. Hành lý không cùng chuyến/ *Unaccompanied baggage* kiện, túi/ *pieces*

10. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập/ *Temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods:* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

11. Hàng hóa phải nộp thuế/*Goods subject to duty:* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

12. Lượng tiền mang theo/*Carry on cash:*	Trị giá/*Amount:*
- Đồng Việt Nam/VND: - Đô la Mỹ/USD: - Ngoại tệ khác/ *other foreign currencies* (GBP, EUR, CAD...)	....
Hối phiếu, séc/ *Drafts, cheques:*	....

13. Kim loại quý, đá quý mang theo (trừ vàng)/*Bringing precious metals, gemstone (other than gold).*	Trị giá/*Amount:*
Kim loại quý: Bạc, bạch kim/ *Precious metals: Silver, platinum:*	....
Đá quý: Kim cương, ruby, saphia, và ê-mơ-rốt/*Gemstone: Diamond, ruby, sapphire and emerald.*	....
14. Vàng/*Gold:*	Trọng lượng/ *Gross weight:* .....gram.
15. Ngày/*Date:...../...../20.....*(DD/MM/YY) Chữ ký/*Signature:*	

3

Phụ lục 2

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CỬA KHẨU ÁP DỤNG TỜ KHAI HẢI QUAN DÙNG CHO NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Tên cửa khẩu	Cục Hải quan quản lý	Tỉnh/Thành phố
01	Tịnh Biên	An Giang	An Giang
02	Vĩnh Xương	An Giang	An Giang
03	Cảng Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu
04	Cảng Quy Nhơn	Bình Định	Bình Định
05	Hoa Lư	Bình Phước	Bình Phước
06	Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng
07	Cảng Hàng không Đà Nẵng	Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng
08	Bờ Y	Gia Lai – Kon Tum	Kom Tum
09	Cảng Hàng không Nội Bài	Hà Nội	Hà Nội
10	Cảng Hải Phòng KV I	Hải Phòng	Hải Phòng
11	Cầu Treo	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
12	Cảng KV2 Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh
13	Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất	TP Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh
14	Cảng Dương Đông	Kiên Giang	Kiên Giang
15	Hà Tiên	Kiên Giang	Kiên Giang
16	Cảng Nha Trang	Khánh Hòa	Khánh Hòa
17	Hữu Nghị	Lạng Sơn	Lạng Sơn
18	Lào Cai	Lào Cai	Lào Cai
19	Nậm Cắn	Nghệ An	Nghệ An
20	Cha Lo	Quảng Bình	Quảng Bình
21	Móng Cái	Quảng Ninh	Quảng Ninh
22	Hòn Gai	Quảng Ninh	Quảng Ninh

23	Lao Bảo	Quảng Trị	Quảng Trị
24	Mộc Bài	Tây Ninh	Tây Ninh
25	Xa Mát	Tây Ninh	Tây Ninh
26	Na Mèo	Thanh Hóa	Thanh Hóa
27	Cảng Chân Mây	Thừa Thiên - Huế	Thừa Thiên - Huế

Phụ lục 3

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU TÚI ĐỰNG TỜ KHAI HẢI QUAN DÙNG CHO NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(mặt trước)

TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỤC HẢI QUAN TỈNH/THÀNH PHỐ:.....

Chi cục Hải quan cửa khẩu:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Số hiệu chuyến bay/số hiệu phương tiện vận tải:.....

Tổng số Tờ khai Hải quan:.....

Tổng số giấy tờ khác liên quan:.....

Họ tên người lưu trữ xác nhận:.....

.....

.....

Cán bộ phụ trách xác nhận:.....

.....

.....

.....

(mặt sau)

Số TT	Ngày/tháng/ năm	Tên cơ quan (người mượn hồ sơ)	Lý do mượn	Ngày trả hồ sơ	Ký nhận mượn

Phụ lục 4

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN KHAI CÁC TIÊU CHÍ/Ô TRÊN TỜ KHAI HẢI QUAN DÙNG CHO NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tiêu chí/ô trên Tờ khai Hải quan	Nội dung hướng dẫn
Hướng dẫn khai báo tại trang 2:	
- Ô số 1:	- Người nhập cảnh, xuất cảnh kê khai rõ ràng, đầy đủ họ tên theo hộ chiếu, chữ viết in hoa theo thứ tự từng ô "trống", ngăn cách giữa họ, tên đệm và tên là 01 ô "trống";
- Ô số 2:	- Đánh dấu "X" vào ô tương ứng;
- Ô số 3,	- Ghi chữ số vào ô "trống";
- Ô số 4:	- Ghi quốc tịch theo hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh khi xuất cảnh, nhập cảnh;
- Ô số 5, Ô số 6:	- Ghi phần chữ và số vào ô;
- Ô số 7:	- Người xuất cảnh, nhập cảnh ghi ngày, tháng, năm nhập cảnh, xuất cảnh và ký, ghi rõ họ tên.
- Ô số 8:	- Công chức Hải quan xác nhận nội dung khai báo của người xuất cảnh, nhập cảnh, ký tên và đóng dấu công chức.
Hướng dẫn khai báo tại trang 3:	
- Ô số 1 đến Ô số 6:	- Khai báo tương tự như trang 2 nêu trên;
- Ô số 7:	- Ghi thời gian quy đổi theo ngày, chỉ dùng cho người nhập cảnh là người nước ngoài để làm căn cứ hoàn thuế giá trị gia tăng nếu có (VD: 45 ngày)
- Ô số 8, Ô số 9:	- Ghi bằng số tổng số kiện, túi (VD: 02, 12);
- Ô số 10:	- Đánh dấu "X" vào ô khai báo "Có/Yes" nếu có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập, đánh dấu "X" vào ô khai báo "Không/No" nếu không có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập. Khai báo cụ thể trên Tờ khai Hải quan giấy (tên, nhãn hiệu, trị giá), hành lý và thời gian tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.

- Ô số 11:	- Đánh dấu "X" vào ô khai báo "Có/Yes" nếu có hàng hóa phải nộp thuế, hoặc mang theo vượt định mức thuế đánh dấu "X" vào ô khai báo "Không/No" nếu không có hàng hóa phải nộp thuế hoặc mang theo vượt định mức thuế. Khai báo cụ thể trên Tờ khai Hải quan giấy (tên, nhãn hiệu, trị giá, số lượng).
- Ô số 12:	- Trường hợp phải khai báo cụ thể vào ô "trị giá": + Mang theo đồng Việt Nam tiền mặt có trị giá trên 15.000.000 VNĐ; + Mang theo ngoại tệ tiền mặt có trị giá trên 5.000 USD; + Mang theo ngoại tệ tiền mặt loại khác có trị giá quy đổi trên 5.000 USD (Bảng Anh, EURO, Canada...); + Trường hợp người nhập cảnh mang ngoại tệ tiền mặt bằng hoặc thấp hơn mức 5.000 USD nhưng có nhu cầu xác nhận của cơ quan Hải quan để gửi vào tài khoản tại Ngân hàng.
	+ Mang theo công cụ chuyển nhượng (séc, hối phiếu) có giá trị quy đổi theo tỷ giá liên Ngân hàng từ 300.000.000 VND trở lên.
- Ô số 13:	- Trường hợp phải khai báo khi mang theo kim loại quý (trừ vàng), đá quý có giá trị quy đổi theo tỷ giá liên Ngân hàng: + Kim loại quý (trừ vàng): bạc, bạch kim; đồ mỹ nghệ và đồ trang sức bằng bạc, bạch kim; các loại hợp kim có bạc, bạch kim giá trị từ 300.000.000 VND trở lên; + Đá quý gồm: Kim cương, Ruby, Saphia, Ê-mơ-rốt giá trị từ 300.000.000 VND trở lên.
- *Ô số 14:*[1]	- *Khai trọng lượng vàng cụ thể (tính theo đơn vị gam) nếu người xuất cảnh, nhập cảnh thuộc một trong các trường hợp nêu tại điểm 4 trang 4 của phần Hướng dẫn khai Hải quan.".*
- Ô số 15:	- Ghi ngày, tháng, năm nhập cảnh/xuất cảnh và ký, ghi rõ họ tên.

[1] Nội dung này được quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 120/2015/TT-BTC ngày 14/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng